

Tư tưởng Hồ Chí Minh

VỀ CON NGƯỜI VÀ CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI CON NGƯỜI

PGS, TS THÀNH DUY*

Là nhà tư tưởng vĩ đại, nhà văn hoá kiệt xuất, Hồ Chí Minh đã hội tụ được nhiều quan điểm, tư tưởng lớn, những phẩm chất đạo đức mang tính tư tưởng cao, những giá trị văn hoá có tầm trí tuệ sâu sắc. Trong hệ thống tư tưởng đó, có hai quan điểm nổi bật, chi phối những quan điểm khác, thể hiện bước ngoặt lớn, có ý nghĩa lịch sử trong quá trình hoạt động cách mạng của Hồ Chí Minh. Đó là tư tưởng về cách mạng giải phóng dân tộc chỉ có thể thực hiện một cách triệt để trên cơ sở giải phóng xã hội và giải phóng con người; Và, tư tưởng về con người, động lực thực sự của cách mạng mà không phải con người nói chung mà là con người bị áp bức, con người nô lệ, con người cùng khổ, người dân bản xứ cũng như người bị áp bức, bóc lột ở chính các nước đi xâm lược. Tư tưởng thứ nhất đặt vấn đề giải phóng con người thành mục tiêu của cách mạng. Tư tưởng thứ hai đặt vấn đề con người bị áp bức, bị nô lệ, con người cùng khổ thành động lực có vị trí quyết định sự nghiệp cách mạng. Thực chất hai quan điểm nêu trên đều lấy con người làm trung tâm, tức *con người được giải phóng và con người có khả năng giải phóng* bản thân và đồng loại. Cho nên, hai vấn đề đó có quan hệ gắn liền với nhau, chi phối lẫn nhau, phụ thuộc vào nhau, tuy hai mà như một, đó là *vấn đề con người* trong tư tưởng Hồ Chí Minh.

Nói rõ tầm quan trọng của vấn đề con người trong tư tưởng Hồ Chí Minh, GS Trần Văn Giàu cho rằng “tâm cốt của một hiền triết chưa chắc ở chỗ giải đáp mối tương quan giữa tồn tại và tư tưởng, ở chỗ xác định thế giới là thực tại hay ảo ảnh, khả tri hay bất khả tri, ở chỗ lựa chọn giáo điều quen thuộc hay sáng tạo mới lạ; mà chung quy là ở mức quan tâm đến con người, con người thật đang sống trên quả đất này và chắc chắn còn sống lâu dài đến vô tận thời gian, lấy đó làm trung tâm của mọi suy nghĩ và chủ đích của mọi hành động. Cụ Hồ thuộc loại hiền triết đó”¹.

Tư tưởng về vấn đề con người chưa phải là toàn bộ nội dung chủ nghĩa nhân văn, song đó là cội nguồn, là nền tảng của chủ nghĩa nhân văn, có nguồn gốc từ chủ nghĩa nhân văn truyền thống của dân tộc kết hợp với chủ nghĩa nhân văn mácxít để hình thành một chủ nghĩa nhân văn mới mang đặc trưng riêng của Hồ Chí Minh, đồng thời đó cũng là mục tiêu cuối cùng, sâu thẳm nhất trong hệ thống tư tưởng của Người. Nhưng, đó là vấn đề lớn khác, ở đây chúng ta chỉ nói đến vấn đề con người, quan điểm về con người và chính sách đối với con người trong tư tưởng Hồ Chí Minh.

Phải sau gần mười năm bôn ba gần khắp thế giới, Hồ Chí Minh mới vỡ lẽ ra rằng muốn giải phóng

* Viện khoa học xã hội Việt Nam

dân tộc một cách triệt để phải đồng thời giải phóng xã hội và giải phóng con người. Đó là hai cuộc cách mạng và cả hai đều chỉ có thể thực hiện trên cơ sở cách mạng vô sản dưới ngọn cờ chủ nghĩa Mác – Lênin. Sau điều phát hiện mang tính chân lý nêu trên, điều phát hiện thứ hai không kém phần quan trọng là câu trả lời về vấn đề lực lượng có ý nghĩa quyết định động lực của cách mạng. Lực lượng ấy không phải ở đâu khác mà là ở chính *con người bị áp bức*, là nhân dân, là cả dân tộc và nhân loại tiến bộ. Từ đó, Người nói: “Đối với tôi, câu trả lời đã rõ ràng: trở về nước, đi vào quần chúng, thức tỉnh họ, tổ chức họ, đoàn kết họ, huấn luyện họ, đưa họ ra đấu tranh giành tự do độc lập”². Nói lên được ý tưởng mang tính chân lý đó là cả quá trình tìm tòi, khảo sát thực tế và thể nghiệm cuộc sống bản thân. Cũng từ đó, Người có niềm tin mãnh liệt vào con người và thấy rõ chỉ có tin yêu con người thật sự, muốn giải phóng họ thật sự, mới tập hợp được họ thực hiện mục tiêu đoàn kết nhân dân nhằm tạo ra sức mạnh cho sự nghiệp cách mạng. Chính Người đã phát hiện ra chân lý bất diệt: Đoàn kết tạo ra sức mạnh, đoàn kết tạo ra chiến thắng và để ra khẩu hiệu: Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết. Thành công, thành công, đại thành công.

Tư tưởng Hồ Chí Minh về con người được biểu hiện thật đa dạng và vô cùng phong phú. Nó thấm đượm trong toàn bộ cuộc đời và sự nghiệp cách mạng của Người, được toả sáng trong từng việc làm, từng cử chỉ, từng mối quan tâm ân cần đến mỗi con người. Tất cả đều toát lên tình thương yêu vô hạn, sự tôn trọng, thái độ bao dung và niềm tin tuyệt đối vào con người. Người ít nói đến lý luận cũng như khái niệm về con người, ngoài hai lần nhắc đến thật có ý nghĩa. Đó là, lần đầu tiên, trong *Tuyên ngôn của Hội liên hiệp thuộc địa*, Người chỉ ra rằng người bản xứ thiếu hẳn các quyền lợi gắn liền với “phẩm giá con người” đồng thời trong *Lời kêu gọi báo Người cùng khổ*, Người viết rằng sứ mệnh của báo là “giải phóng con người”. Lần đặc biệt thứ hai là trong bản

Di chúc thiêng liêng của mình, Người viết: “Đầu tiên là công việc đối với con người”. Như vậy, khái niệm về con người mà Hồ Chí Minh nói đến tuy hiếm hoi nhưng lại có ý nghĩa quán xuyên cả quãng đời hoạt động cách mạng của mình từ lúc thấy rõ mục tiêu giải phóng con người gắn với sự nghiệp cách mạng giải phóng dân tộc đến cuối đời trong *Di chúc*, Người nhắc toàn Đảng, toàn dân và Nhà nước ta phải quan tâm đầu tiên là công việc đối với con người.

Từ sự thông cảm sâu sắc với người dân mất nước và tình thương yêu da diết đồng bào của mình, Hồ Chí Minh đã quyết định ra đi tìm đường cứu nước. Trong cuộc hành trình tìm đường cứu nước, tiếp xúc với những cảnh thương tâm của người nô lệ, người cùng khổ trên khắp thế giới, Người suy nghĩ nhiều về thân phận con người, dần dần hình thành quan niệm về con người và định hướng đấu tranh vì con người, trước hết là những người cùng khổ. Chắc chắn không phải là ngẫu nhiên khi Người đặt tên cho tờ báo của mình là *Người cùng khổ* và cũng từ đó Người để ra một khẩu hiệu mới: “*Lao động tất cả các nước, đoàn kết lại*”³, thể hiện bước ngoặt lớn trong tư tưởng của Người về lòng tin ở con người, tạo ra sự chuyển biến dứt khoát từ lập trường chủ nghĩa yêu nước truyền thống đến chủ nghĩa xã hội khoa học, hình thành tư tưởng về cách mạng giải phóng dân tộc gắn liền với cách mạng xã hội chủ nghĩa. Cần đặc biệt chú ý ở đây khẩu hiệu mới của Hồ Chí Minh, không phải chỉ vô sản tất cả các nước đoàn kết lại, cũng không phải chỉ vô sản tất cả các nước và các dân tộc bị áp bức đoàn kết lại, mà là *lao động tất cả các nước, đoàn kết lại*. Điều đó có nghĩa là Người đặt niềm tin vào con người một cách bao quát hơn, rộng lớn hơn, bao gồm không chỉ những người bị áp bức thuộc giai cấp vô sản, cũng không chỉ những con người ở các dân tộc bị áp bức, mà là *toàn thể những người lao động ở tất cả các nước*, đều có thể là động lực của cách mạng. Như vậy là, với khẩu hiệu đó, Hồ Chí Minh mở rộng niềm tin vào con người lao động chân chính, thấy tất cả họ đều có khả năng giải phóng dân tộc, giải phóng

xã hội và giải phóng con người. Rõ ràng, quan điểm về con người của Hồ Chí Minh có mặt tiếp thu triết để tư tưởng giải phóng con người của chủ nghĩa Mác – Lênin, có mặt phát triển tư tưởng đó cho phù hợp với đặc điểm cách mạng nước ta.

1. Để thấy rõ quan điểm Hồ Chí Minh về vấn đề con người, trước hết cần tìm hiểu tư tưởng của Người về bản chất con người nói chung, tức con người *nhân cách* hình thành trong lịch sử loài người. Đây là một vấn đề phức tạp, đã được đề cập đến từ rất lâu, trong suốt chiều dài của lịch sử phát triển triết học, ở cả phương Đông và phương Tây, cũng là lịch sử phát triển của khoa học về con người, gắn liền với các học thuyết, các tôn giáo, các chủ nghĩa, các trường phái... Đây cũng là một vấn đề lớn đã được học thuyết Mác soi sáng trên nhiều công trình khoa học trong quá trình đấu tranh, phê phán những quan điểm không đúng của chủ nghĩa duy tâm, chủ nghĩa duy vật máy móc về bản chất con người, nhằm thiết lập chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử về con người và bản chất con người. Ở đây, đương nhiên chúng tôi không có ý định bàn sâu về bản chất con người mà chỉ căn cứ vào những quan điểm về con người đã được học thuyết Mác khẳng định trên cơ sở phủ định những quan điểm có trước để nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh về con người và chính sách đối với con người.

Bằng việc sản xuất ra thế giới vật chất, đồng thời có khả năng cải tạo giới tự nhiên, cải tạo xã hội, con người tỏ ra là một sinh vật có tính loài có ý thức, nghĩa là coi những người cùng loài với mình như chính bản thân mình. Từ đó, có thể khẳng định, chỉ có ở con người mới có tính đồng loại, mới có tình cảm, biết yêu thương, cảm thông với đồng loại, mới có tính nhân văn. Đó là một đặc tính thuộc bản chất của con người, chỉ xuất hiện từ khi hình thành con người xã hội.

Là một sinh vật có tính loài có ý thức, con người không chỉ sản xuất vì nhu cầu của chính mình mà bản thân sự lao động sản xuất cũng là một nhu cầu theo ý nghĩa chân chính của nó. Hơn thế, con người

có nhu cầu sáng tạo theo quy luật của cái đẹp, nghĩa là con người thích nhìn ngắm bản thân mình trong thế giới do mình sáng tạo ra. Cho nên, nếu có ai đó tước đi những sản phẩm do con người sáng tạo ra thì cũng có nghĩa là xem người sáng tạo ra vật phẩm đó không còn là đồng loại của mình nữa. Mác gọi hiện tượng đó là sự tha hoá của hoạt động lao động tự do của con người, con người bị làm cho trở thành xa lạ với chính con người. Cũng từ đó, có sự phân hoá giữa những con người, tạo ra quan hệ giữa người này với người khác thông qua lao động và sản phẩm lao động của mình. Và, khi con người càng phát triển, càng sáng tạo ra nhiều sản phẩm lao động, càng chinh phục được giới tự nhiên phục vụ cho con người, thì sự phân hoá giữa những con người càng lộ rõ, trở thành kẻ thống trị và người bị trị, xuất hiện giai cấp, đồng thời xuất hiện đấu tranh giai cấp. Nguyên nhân của sự phân hoá ấy là do chính sản phẩm do mình sáng tạo ra thành lao động bị làm cho trở thành xa lạ. Vậy sản phẩm của lao động xa lạ đó thuộc về ai và ai là lực lượng xa lạ thống trị con người. Mác viết: "Chỉ đến giai đoạn phát triển cuối cùng, cao nhất của sở hữu tư nhân thì điều bí ẩn ấy của nó mới lại bộc lộ; một mặt, sở hữu tư nhân là *sản phẩm* của lao động bị tha hoá, và mặt khác, nó là phương tiện làm cho lao động bị tha hoá, là *sự thực hiện sự tha hoá ấy*".

Đó là sự phân tích lịch sử phát triển của xã hội loài người một cách đơn giản nhất, khái quát nhất theo quan điểm duy vật lịch sử của học thuyết Mác. Điều bí ẩn mà Mác nói ở đây chính là quy luật của lao động bị tha hoá tạo ra sở hữu tư nhân đồng thời tạo ra sự phân hoá giai cấp, tạo ra hiện tượng con người bị xa lạ với chính mình, tạo ra sự thống trị và bị trị. Tóm lại, bản chất con người vốn là tự do, nhưng khi hoà nhập vào xã hội như một tất yếu của quá trình phát triển của nhân loại, con người dần dần bị lệ thuộc vào hoàn cảnh xã hội, mà theo Mác thì "trong tính hiện thực của nó, bản chất con người là tổng hoà các quan hệ xã hội".

Điều phát hiện về bản chất con người nêu trên có hai vấn đề có quan hệ đến tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề con người và chính sách đối với con người. Một mặt, với tư cách cá nhân, con người vốn mang bản chất tự do, có ý thức về bản thân và đồng loại, luôn có nhu cầu vươn lên không ngừng, muốn được tự do, hạnh phúc và nhiều ham muốn chính đáng. Đó là những quyền được tạo hoá ban cho không ai có thể xâm phạm được. Cho nên, không phải là ngẫu nhiên, khi viết *Tuyên ngôn Độc lập* của nước ta, Hồ Chí Minh đã nhắc đến những quyền tối thượng của con người được đề cập trong *Tuyên ngôn Độc lập* năm 1776 của nước Mỹ và *Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền* của Cách mạng Pháp năm 1791. Từ đó, Người khẳng định nguyên tắc căn bản của nhân quyền là: “*Tất cả mọi người đều sinh ra có quyền bình đẳng. Tạo hoá cho họ những quyền không ai có thể xâm phạm được; trong những quyền ấy, có quyền được sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc*”. Đó là những quyền con người nói chung, quyền của mọi người, cần được tôn trọng, được thừa nhận, mà ngày nay người ta thường gọi là *nhân quyền*.

Mặt khác, con người lại không thể sống tách biệt với đồng loại, với xã hội, cho nên, bất cứ người nào có cuộc sống bình thường cũng đều là con người xã hội, mọi quyền do tạo hoá ban cho chỉ có thể có được trong quan hệ với cộng đồng, với xã hội. Nói con người có bản chất tự do là sự khẳng định nguyên tắc bình đẳng xét đến cùng; nhưng cùng sống trong một xã hội, mỗi người chỉ có tự do thực sự, bình đẳng thực sự, khi người này biết tôn trọng quyền tự do, bình đẳng của người khác, mà điều đó thì không dễ có được trong xã hội còn giai cấp, còn bị áp bức, bóc lột.

Việc nhìn nhận thấy rõ hai mặt của bản chất con người có tầm quan trọng đặc biệt khi quan tâm đến chính sách xã hội hay mục tiêu đối với con người, đồng thời, cũng để hiểu đúng chủ nghĩa Mác – Lênin về vấn đề con người và bản chất con người. Một mặt, phải thấy bản chất con người sinh vật học để

khi đề ra chính sách xã hội đối với con người không bao giờ được quên những quyền cơ bản nhất là quyền được sống, được sung sướng như một con người cụ thể, trước hết con người cần có ăn, có mặc, có nhà ở, có việc làm, được chữa bệnh và được học hành. Đó là những nhu cầu tối thiểu đồng thời cũng là những quyền tối thiểu đối với con người mà chính Hồ Chí Minh đã bày tỏ khi nói về sự ham muốn tột bậc của mình. Quả là không dễ thực hiện được những quyền tối thiểu ấy đối với con người, nếu không có một quan niệm đúng về con người và chính sách xã hội đúng đắn đối với con người, lấy con người làm trung tâm. Cần nói đến một điều kiện tối thiểu mà cũng có thể là tối đa, vì cái tối thiểu ấy luôn luôn đặt ra như một mục tiêu phấn đấu tối đa của bất cứ xã hội nào muốn thực sự ổn định, muốn đem lại hạnh phúc cho con người, đó là điều kiện sống đúng như cuộc sống cần có đối với mỗi con người bình thường. Cho nên, không phải là ngẫu nhiên, trong buổi lễ an táng Các Mác, Ăngghen đã nói: “Giống như Đác uyn tìm ra quy luật phát triển của thế giới hữu cơ, Mác đã tìm ra quy luật phát triển của lịch sử loài người; cái sự thật đơn giản mà đã bị những tầng tầng lớp lớp tư tưởng phủ kín cho đến ngày nay là: con người trước hết cần phải ăn, uống, chỗ ở và mặc đã rồi mới có thể làm chính trị, khoa học, nghệ thuật, tôn giáo, v.v..., vì vậy, việc sản xuất ra những tư liệu sinh hoạt vật chất trực tiếp, và do đó, mỗi một giai đoạn phát triển kinh tế nhất định của một dân tộc hay một thời đại, tạo thành cơ sở trên đó người ta phát triển các thể chế nhà nước, các quan điểm pháp quyền, nghệ thuật và thậm chí cả những quan niệm tôn giáo của những con người nhất định và vì vậy phải xuất phát từ cơ sở đó mà giải thích những cái này chứ không phải ngược lại, như từ trước đến nay người ta đã làm”⁵. Cần hiểu rằng Mác không chỉ tìm ra quy luật phát triển của chủ nghĩa tư bản mà là tìm ra quy luật phát triển của lịch sử loài người, tức là thấy con người không chỉ là con người giai cấp trong xã hội có giai cấp mà còn thấy con người nói chung, con người sinh vật học.

Đó là cơ sở lý luận để giải quyết mọi vấn đề xã hội có liên quan đến con người. Quả là một phát hiện rất đơn giản nhưng lại vô cùng quan trọng đối với con người, mà không phải bao giờ người ta cũng thực hiện được nếu không có quan niệm đúng về bản chất con người. Chính vì vậy, ngay sau ngày tuyên bố độc lập ở nước ta, Hồ Chí Minh đã chỉ rõ:

"Chúng ta phải thực hiện ngay:

1. Làm cho dân có ăn.
2. Làm cho dân có mặc.
3. Làm cho dân có chỗ ở.
4. Làm cho dân có học hành.

Cái mục đích của chúng ta đi đến là 4 điều đó. Đi đến để dân nước ta xứng đáng với tự do độc lập và giúp sức cho tự do độc lập⁶. Rõ ràng, ở đây đã có sự gắn bó hữu cơ giữa nhu cầu của con người sinh vật học với con người xã hội. Do đó, không phải cứ nói đến nhu cầu con người sinh vật học đều là tầm thường. Đó là nhu cầu có ăn để sống, có sống mới nói đến việc làm đạo lý cũng như những việc cao sang khác. Hơn thế nữa, người ta có quyền được sung sướng, được mưu cầu hạnh phúc. Bởi lẽ "lòng mong muốn hạnh phúc là bẩm sinh ở con người, do đó nó phải là cơ sở của mọi đạo đức" (Ăngghen). Đó là những đòi hỏi chính đáng của bất cứ người nào mà không có ai có quyền ngăn cấm hoặc phê phán.

Nhưng, mặt khác, trong cuộc sống xã hội, con người không thể chỉ lo cho sự tồn tại của bản thân. Cuộc sống vốn rất đa dạng, phong phú và cũng hết sức phức tạp, có nhiều mối quan hệ đối với mỗi con người. Nói đến bản chất con người là để thấy cho được các quan hệ tương như mâu thuẫn, nhưng thực tế là mâu thuẫn trong phát triển, mâu thuẫn biện chứng, hướng con người ngày càng hoàn thiện, ngày càng thể hiện bản chất người hơn. Hồ Chí Minh không nói lý luận nhiều về bản chất con người. Nhưng, Người đã sống và hoạt động như sự hiện diện của một con người mang bản chất người nhất, phản ánh một triết lý sống về bản chất con người có nhân cách văn hoá tiêu biểu. Hồ Chí Minh đặc biệt đề cao những quyền cơ bản của con người, nhưng

Người lại không dừng ở việc đề cao quyền cá nhân cực đoan theo quan điểm tư sản. Người thấy rõ quyền cá nhân chỉ có thể thực hiện được trên cơ sở thực hiện quyền của dân tộc. Do đó, Người gắn quyền cá nhân với quyền của dân tộc. Hơn thế nữa, Người còn chú ý đến những điều kiện cơ bản đảm bảo cho quyền con người chỉ có được trong xã hội không còn có sự áp bức, bóc lột. Từ đó, Người thấy rõ mục tiêu giải phóng con người chỉ có thể thực hiện được trong sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa.

Từ chỗ nhận thức rõ bản chất con người, Hồ Chí Minh đã đặt cả niềm tin vào con người, vào nhân dân và dân tộc mình, thấy chỉ có thể tìm sức mạnh của vũ khí cách mạng từ chính đồng bào mình. Từ đó, Người đã làm hết sức mình để chăm lo, bồi dưỡng, rèn luyện cả một thế hệ những con người mới, tạo nên sức mạnh kỳ diệu cho sự nghiệp cách mạng. Đó cũng chính là bí quyết của mọi thắng lợi của sự nghiệp cách mạng ở nước ta từ trước đến nay. Ngày nay, cũng trên cơ sở nhận thức đúng bản chất con người theo tư tưởng Hồ Chí Minh, Đảng và Nhà nước ta rất coi trọng các vấn đề chính sách xã hội, nhất là từ ngày đất nước ta tiến hành sự nghiệp đổi mới.

2. Trên cơ sở nhận thức đúng bản chất con người, đồng thời xuất phát từ quan niệm con người vốn gắn với xã hội, là tổng hoà các quan hệ xã hội, Hồ Chí Minh nêu một định nghĩa thật độc đáo về con người: "Chữ người, nghĩa hẹp là gia đình, anh em, họ hàng, bầu bạn. Nghĩa rộng là đồng bào cả nước. Rộng nữa là cả loài người"⁷. Với ý nghĩa đó, khái niệm con người rất rộng vốn mang trong nó bản chất xã hội, phản ánh các quan hệ xã hội. Nói đến quan hệ xã hội, con người chỉ có thể tồn tại trong bối cảnh xã hội cụ thể, do đó nó mang tất cả những đặc tính của xã hội đó, nói bản chất con người là nói đến bản chất con người xã hội trong nhiều chiều khác nhau. Cũng chính vì thấy con người vốn gắn với xã hội, Hồ Chí Minh thấy trong con người bao giờ cũng có hai mặt, cũng như trong xã hội vốn có hai mặt. Đó là mặt tốt và mặt xấu, mặt thiện và mặt ác, mặt tiến bộ và mặt lạc hậu... Đối với Người, mặt tốt hay

mặt xấu của con người không bộc lộ một cách tự nhiên, vô cớ, mà thường có nguyên nhân sâu xa của nó, xuất phát từ nguồn gốc xã hội. Cho nên, khi nói đến những vấn đề có liên quan đến bản chất con người, ta thấy Hồ Chí Minh thường có cách giải thích riêng rất độc đáo. Người nói: "Người ta ai cũng có tính tốt và tính xấu". Mượn câu chuyện về *Tam tự kinh*, Hồ Chí Minh giải thích "nhân chi sơ tính bản thiện" như sau: "Nhân nghĩa là nhân dân. Trong bầu trời không gì quý bằng nhân dân. Trong thế giới không gì mạnh bằng lực lượng đoàn kết của nhân dân.

Thiện nghĩa là tốt đẹp, vẻ vang. Trong xã hội không có gì tốt đẹp, vẻ vang bằng phục vụ cho lợi ích của nhân dân.

Trong xã hội có **THIỆN** và cũng có **ÁC**.

Theo nghĩa rộng thì cả thế giới và trong một nước có **THIỆN** và có **ÁC**. Theo nghĩa hẹp thì trong bản thân và tư tưởng của mỗi một người cũng có **THIỆN** và có **ÁC**⁸. Trên cơ sở chữ *nhân* trong Nho giáo vốn gắn với ý thức hệ phong kiến, Hồ Chí Minh đã chuyển hoá khái niệm *nhân* được xem là bản thể của tính người thành *nhân dân*, đồng thời thấy rõ trong nhân dân cũng có hai mặt, vừa thấy sức mạnh của nhân dân, vừa thấy mặt hạn chế trong nhân dân; do đó, Người đôi khi: "NHÂN là thật thà thương yêu, hết lòng giúp đỡ đồng chí và đồng bào. Vì thế mà kiên quyết chống lại những người, những việc có hại đến Đảng, đến nhân dân"⁹. Đó là quan điểm biện chứng về con người và bản chất con người.

Hồ Chí Minh phân biệt cái thiện và cái ác trong bản chất của mỗi con người, nhưng không cho rằng cái thiện và cái ác là bất biến không bao giờ thay đổi. Trái lại, nó luôn luôn chuyển hoá, tùy thuộc vào sự đấu tranh và tu dưỡng của mỗi người và nhất là tùy thuộc vào bối cảnh mỗi xã hội mà ở đó con người sống và hoạt động. Điều đó có nghĩa là bản chất con người có thể thay đổi và nói rộng ra bản chất xã hội cũng có thể thay đổi, tùy thuộc vào phẩm chất tinh thần và năng lực đấu tranh của mỗi con người và phẩm chất văn hoá cũng như bản chất mỗi chế độ xã hội.

Từ cách đặt vấn đề trong mỗi con người vốn có hai mặt tích cực và tiêu cực, tốt và xấu, tùy thuộc

vào bối cảnh xã hội mà con người hoạt động, Hồ Chí Minh đòi hỏi, mỗi cá nhân con người phải có ý thức vươn lên không ngừng, tự hoàn thiện bản thân, tự chiếm lĩnh đỉnh cao của khoa học và văn hoá. Mặt khác, mỗi người phải có ý thức và trách nhiệm đối với xã hội, không ngừng cải tạo xã hội, tạo những điều kiện khách quan thuận lợi cho con người phát triển. Đó là hai mặt gắn liền với nhau, tác động lẫn nhau và quyết định sự phát triển của mỗi người cũng như mỗi xã hội.

3. Nói đến bản chất con người đồng thời thấy rõ hai mặt ở một con người, Hồ Chí Minh luôn có chủ trương kêu gọi mặt tốt và tin vào mặt tốt của con người. Người nói: "Mỗi con người đều có thiện và ác ở trong lòng. Ta phải biết làm cho phần tốt ở trong mỗi con người nảy nở như hoa mùa xuân và phần xấu bị mất dần đi, đó là thái độ của người cách mạng. Đối với những người có thói hư tật xấu, trừ hạng người phản lại Tổ quốc và nhân dân, ta cũng phải giúp họ tiến bộ bằng cách làm cho cái phần thiện trong con người nảy nở để đẩy lùi phần ác, chứ không phải đập cho tơi bời. Lấy gương người tốt, việc tốt để hàng ngày giáo dục lẫn nhau là một trong những cách tốt nhất để xây dựng Đảng, xây dựng các tổ chức cách mạng, xây dựng con người mới, cuộc sống mới"¹⁰. Điều đó nói lên thái độ nhất quán và tinh thần bao dung của Hồ Chí Minh đối con người. Tin ở con người thôi chưa đủ mà còn phải làm cho phần tốt ở con người phát triển, khiến cho con người ngày càng hoàn thiện, ngày càng trở thành người tốt, người có ích cho xã hội, đó là quan điểm nhất quán trong tư tưởng Hồ Chí Minh về con người. Cũng từ đó, Người đề ra chủ trương "bồi dưỡng thể hệ cách mạng cho đời sau" và chiến lược "trồng người" của Đảng và Nhà nước ta.

4. Quan điểm nổi bật có tính bao quát trong tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề bồi dưỡng các thế hệ cách mạng và chiến lược "trồng người" là quan điểm về đức và tài. Hồ Chí Minh có niềm tin ở con người nhưng không phải là niềm tin chung chung, tin vô điều kiện mà là tin vào con người có phẩm chất và tài năng, nghĩa là có đức và có tài. Từ đó, Người đề ra quan điểm về đức và tài. Người nói: "Đức là gốc

nhưng tài là quan trọng". Giữa đức và tài Người đều coi trọng và luôn căn dặn mọi người không được xem nhẹ mặt nào. Nhưng, Người vẫn chủ trương đức phải có trước tài, bởi vì, theo Người, có tài mà không có đức thì hỏng, có khi còn lợi dụng tài của mình để làm những việc thất đức. Hồ Chí Minh nói đức có trước tài chứ không coi đức quan trọng hơn tài. Theo Người, tài và đức là hai mặt cơ bản thuộc bản chất con người, nhưng không phải là bất biến, không bao giờ thay đổi. Muốn trở thành người có tài phải trải qua quá trình học tập, rèn luyện suốt đời và bản thân việc khổ công học tập, rèn luyện suốt đời ấy cũng là một hành vi đạo đức. Có điều là, Hồ Chí Minh không bao giờ tách việc học tập, rèn luyện với việc tu dưỡng hoàn thiện bản thân. Đối với Hồ Chí Minh, tài năng cũng như đạo đức đều là sản phẩm của quá trình lao động sáng tạo, quá trình hoạt động thực tiễn, chứ không phải tự nhiên mà có. Cho nên, Người mới nói: "Đạo đức cách mạng không phải trên trời sa xuống. Nó do đấu tranh rèn luyện bền bỉ hằng ngày mà phát triển và củng cố. Cũng như ngọc càng mài càng sáng, vàng càng luyện càng trong. Có gì sung sướng vẻ vang hơn là trau dồi đạo đức cách mạng để góp phần xứng đáng vào sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và giải phóng loài người"¹¹. Với quan điểm trên, hầu như giữa đức và tài không còn ranh giới nữa mà nó gắn kết với nhau ở một con người cụ thể, con người hành động vì sự nghiệp giải phóng dân tộc, giải phóng xã hội và giải phóng con người. Đó chính là con người mang lý tưởng, hoài bão và khát vọng của thời đại mới, con người đã vươn tới cái chân, cái thiện, cái mỹ bằng chính trí tuệ của mình, bằng chính bản chất con người có nhân cách văn hoá của mình.

Bốn vấn đề nêu trên chưa phải là tất cả những quan điểm của Hồ Chí Minh về con người. Nhưng, có thể nói, đó là những quan điểm cơ bản nhất chi phối những quan điểm khác. Từ bốn vấn đề nêu trên, chúng ta suy nghĩ đến chính sách xã hội đối con người mà Hồ Chí Minh đã nói và làm cũng như căn dặn Đảng và Nhà nước ta thực hiện đối với con người, với nhân dân ta cũng như với mọi người lao động chân chính trên thế giới. Đó là chính sách

chăm lo đến đời sống vật chất và đời sống tinh thần của con người để mỗi người sống trong xã hội ta "sống cho ra sống", đó là cuộc sống có chất lượng, có ý nghĩa; đó là chính sách giáo dục và đào tạo con người ngày càng hoàn thiện, ngày càng có ích cho xã hội, cũng là chính sách "trồng người", chính sách bồi dưỡng các thế hệ cách mạng cho đời sau mà Hồ Chí Minh hết sức coi trọng; đó còn là chính sách bao dung đối với những người có chính kiến khác nhau, thậm chí cả với những người lầm đường lạc lối, chính sách đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế, chính sách đối với các tầng lớp nhân dân, các thành phần xã hội, các tôn giáo... Nói rộng hơn, quan điểm về con người theo tư tưởng Hồ Chí Minh cũng chi phối cả chính sách xây dựng Đảng và Nhà nước ta, chính sách và chủ trương, đường lối phát triển và chấn hưng đất nước trong mỗi thời kỳ, chính sách đối với các đoàn thể cách mạng, các tầng lớp xã hội, chính sách đối ngoại và đoàn kết quốc tế v.v...

Tóm lại, chỉ có quan điểm đúng đắn về con người theo tư tưởng Hồ Chí Minh mới có thể đề ra các chính sách xã hội đúng đắn đối với con người, để từ đó đưa con người lên vị trí người chủ thực sự của xã hội. Trái lại, chỉ có con người thực sự giác ngộ, thực sự thấy mình có vị trí và phần đấu thành con người có nhân cách văn hoá mới thực sự là người chủ nhân của đất nước, chủ nhân của xã hội. Đó là hai mặt ở một con người, hai mặt của xã hội vốn gắn bó hữu cơ với nhau như việc giải phóng con người do chính con người thực hiện.

1. Trần Văn Giàu: *Vĩ đại một con người*, NXB Long An, 1990, tr. 88

2,3. *Hồ Chí Minh Toàn tập*, CTQG, H, 1996, T.1, tr.192, 461

4. *C.Mác và Ph. Ăngghen Toàn tập*, CTQG, H, T.42, tr.142

5. *Sđđ*, T.19, tr.499-500

6. *Hồ Chí Minh Toàn tập*, H, 1996, T.4, tr.152.

7. *9. Sđđ*, T.5, tr.644, 251-252

8. *Sđđ*, T.8, tr.276

10. *Sđđ*, T.12, tr.558

11. *Sđđ*, T.9, 293.